**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP THI HỌC KÌ II**

**MÔN ĐỊA LÍ LỚP 10**

**A. NGÀNH DỊCH VỤ**

**1. Cơ cấu và vai trò của các ngành dịch vụ**.

Khai thác tốt hơn các nguồn tài nguyên thiên nhiên, di sản văn hóa lịch sử và các thành tựu của khoa học kĩ thuật.

Thúc đẩy các ngành sản xuất vật chất phát triển.

Sử dụng tốt hơn nguồn lao động, tạo thêm việc làm.

Vai trò của ngành dịch vụ

Cơ cấu ngành dịch vụ

Dịch vụ kinh doanh

Dịch vụ tiêu dùng

Dịch vụ công

**2. Các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ.**

- Trình độ phát triển kinh tế, năng suất lao động xã hội => ảnh hưởng tới đầu tư bổ sung lao động cho ngành dịch vụ.

- Quy mô, cơ cấu dân số => ảnh hưởng tới nhịp độ phát triển và cơ cấu ngành dịch vụ.

- Phân bố dân cư và mạng lưới quần cư => ảnh hưởng tới mạng lưới ngành dịch vụ.

- Truyền thống văn hóa, phong tục tập quán => ảnh hưởng tới hình thức tổ chức mạng lưới ngành dịch vụ.

- Mức sống và thu nhập thực tế => ảnh hưởng tới sức mua, nhu cầu dịch vụ.

- Tài nguyên thiên nhiên, di sản văn hóa lịch sử, cơ sở hạ tầng du lịch => ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ.

**3. Đặc điểm và xu hướng phát triển**

- Cơ cấu lao động trong ngành dịch vụ tăng nhanh.

- Có sự khác biệt rất lớn về cơ cấu lao động trong ngành dịch vụ giữa các nước phát triển và đang phát triển.

- Các thành phố cực lớn chính là các trung tâm dịch vụ lớn.

**B. GIAO THÔNG VẬN TẢI.**

**I. Vai trò và đặc điểm của ngành giao thông vận tải.**

Giúp quá trình sản xuất diễn ra liên tục, bình thường.

Góp phần thực hiện các mối liên hệ kinh tế - xã hội giữa các địa phương, củng cố tính thống nhất của nền kinh tế.

Tăng cường sức mạnh quốc phòng.

Thúc đẩy hoạt động kinh tế - văn hóa ở những vùng xa xôi.

Phục vụ nhu cầu đi lại của người dân.

Vai trò của ngành GTVT

**\* Đặc điểm**

- Sản phẩm của ngành GTVT là sự chuyển chở người và hàng hóa.

- Tiêu chí đánh giá:

+ Khối lượng vận chuyển ( người, tấn hàng hóa)

+ Khối lượng luân chuyển( người.km; tấn hàng hóa.km)

+ Cự li vận chuyển trung bình( km)

**II. Các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố ngành GTVT**

1. Điều kiện tự nhiên

- Quy định sự có mặt và vai trò của một số loại hình vận tải.

- Ảnh hưởng lớn đến công tác thiết kế và khai thác các công trình GTVT.

- Khí hậu, thời tiết ảnh hưởng sâu sắc tới hoạt động của các phương tiện vận tải.

2. Điều kiện kinh tế - xã hội

- Sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế quyết định sự phát triển và phân bố hoạt động của GTVT.

- Sự phân bố dân cư, đặc biệt là các thành phố lớn, các chùm đô thị ảnh hưởng sâu sắc tới vận tải hành khách.

**III. Các ngành giao thông vận tải**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Loại hình vận tải | Ưu điểm | Hạn chế | Phân bố |
| Đường sắt | Chở hàng nặng, đi xa, tốc độ nhanh, giá rẻ. | Chỉ hoạt động trên các tuyến đường cố định, đầu tư lớn. Tính cơ động thấp, khả năng vượt dốc nhỏ. | Nơi phát triển mạnh: châu Âu, Mỹ… phản ánh sự phân bố công nghiệp ở các nước, các châu lục. |
| Đường ô tô | - Tiện lợi, cơ động, thích ứng cao với các điều kiện địa hình.  - Có hiệu quả kinh tế cao ở các cự li ngắn và trung bình.  - Phối hợp với các phương tiện vận tải khác. | - Chi dùng nhiều nguyên, nhiên liệu.  - Ô nhiễm môi trường, ách tắc giao thông. | Tây Âu, Hoa Kì … |
| Đường ống | Vận chuyển được dầu khí, chất lỏng, tương đối ổn định, tiết kiệm, giá rẻ. | Công tác bảo vệ khó khăn, chi phí xây dựng cao. | Khu vực Trung Đông, Hoa Kì, Liên bang Nga, Trung Quốc… |
| Đường sông, hồ | Vận chuyển được hàng nặng, cồng kềnh, giá rẻ | Phụ thuộc vào ĐKTN, tốc độ chậm. | Phát triển mạnh ở Hoa Kì, Nga, Canada, châu Âu (sông Rainơ, sông Đanuýp). |
| Đường biển | ***-*** Đảm bảo phần rất lớn trong vận tải hàng hoá quốc tế.  - Khối lượng luân chuyển hàng hoá lớn nhất.  - Cước phí khá rẻ. | Sản phẩm vận chuyển chủ yếu là dầu thô và các sản phẩm dầu mỏ→ ô nhiễm biển. | - Các cảng biển: Ở hai bên bờ Đại Tây Dương và Thái Bình Dương.  - Các kênh biển: kênh Xuyê, Panama, Kien.  - Các nước có đội tàu buôn lớn: NB, Libêria, Panama, … |
| Đường hàng không | - Đảm bảo mối giao lưu quốc tế.  - Sử dụng có hiệu quả thành tựu mới nhất của khoa học – kĩ thuật.  - Tốc độ nhanh nhất. | Cước phí đắt, trọng tải thấp, ô nhiễm môi trường. | - Các tuyến xuyên Đại Tây Dương.  - Các tuyến nối Hoa Kì với khu vực châu Á – Thái Bình Dương. |

**C. CÂU HỎI VẬN DỤNG**

**Câu 1:** Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây làm cho sự phân bố ngành dịch vụ phát triển mạnh?

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** Phân bố gần khu dân cư. | **B.** Xa khu dân cư. |
| **C.** Gần tuyến đường giao thông. | **D.** Gần cảng. |

**Câu 2:** Ý nào sau đây thể hiện giao thông vận tải là ngành kinh tế độc đáo vừa mang tính sản xuất vật chất, vừa mang tính dịch vụ?

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** vai trò của ngành giao thông vận tải. | **B.** đặc điểm của ngành giao thông vận tải. |
| **C.** điều kiện để phát triển giao thông vận tải. | **D.** trình độ phát triển giao thông vận tải. |

**Câu 3:** Những khu vực nằm gần các tuyến vận tải lớn, các đầu mối giao thông thường là nơi tập trung

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** các vùng nông nghiệp chủ chốt. | **B.** các danh lam, di tích lịch sử. |
| **C.** các khu vực nhiều khoáng sản. | **D.** các ngành sản xuất, dân cư. |

**Câu 4:** Truyền thống văn hóa, phong tục tập quán ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành dịch vụ là

|  |
| --- |
| **A.** hình thức tổ chức mạng lưới ngành dịch vụ. |
| **B.** Sức mua, nhu cầu dịch vụ. |
| **C.** phân bố mạng lưới ngành dịch vụ. |
| **D.** nhịp độ phát triển và cơ cấu ngành dịch vụ. |

**Câu 5:** Đường sắt và đường biển có ưu điểm giống nhau là

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** tính cơ động cao. | **B.** tốc độ nhanh. |
| **C.** an toàn. | **D.** chở được hàng nặng, cồng kềnh. |

**Câu 6:** Ưu điểm của ngành giao thông vận tải đường ô tô

|  |
| --- |
| **A.** tiện lợi, cơ động, thích nghi cao với các điều kiện địa hình. |
| **B.** vận chuyển được các hàng nặng , ổn định, giá rẻ. |
| **C.** vận chuyển hàng hóa nặng, cồng kềnh. |
| **D.** tốc độ vận chuyển nhanh mà không phượng tiện nào sánh kịp. |

**Câu 7:** Những ngành nào sau đây **không** thuộc ngành dịch vụ?

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** Ngành thông tin liên lạc. | **B.** Ngành bảo hiểm. |
| **C.** Ngành du lịch. | **D.** Ngành xây dựng. |

**Câu 8:** Có‎ ý ‎‎nghĩa đặc biệt quan trọng đối với việc hình thành các điểm dịch vụ du lịch là.

|  |
| --- |
| **A.** trình độ phát triển kinh tế đất nước. |
| **B.** mức sống và thu nhập thực tế của người dân. |
| **C.** sự phân bố các điểm du lịch. |
| **D.** sự phân bố các tài nguyên du lịch. |

**Câu 9:** Chất lượng của sản phẩm dịch vụ giao thông vận tải được đo bằng

|  |
| --- |
| **A.** tốc độ chuyên chở, sự tiện nghi, an toàn cho người và hàng hóa. |
| **B.** tốc độ vận chuyển nhanh và thời gian vận chuyển ngắn. |
| **C.** khối lượng luân chuyển nhiều và tốc độ vận chuyển nhanh. |
| **D.** thời gian vận chuyển ít và khối lượng luân chuyển nhiều. |

**Câu 10:** Loại động vật nào sau đây có thể dùng làm phương tiện dùng để vận chuyển ở vùng hoang mạc?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** Bồ câu. | **B.** Tuần lộc. | **C.** Lạc đà. | **D.** Ngựa. |

**Câu 11:** Ngành dịch vụ nào dưới đây thuộc nhóm dịch vụ tiêu dùng?

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** Hoạt động đoàn thể. | **B.** Hành chính công. |
| **C.** Hoạt động buôn, bán lẻ. | **D.** Thông tin liên lạc. |

**Câu 12:** Các hoạt động bán buôn bán lẻ, du lịch, các dịch vụ cá nhân như y tế, giáo dục , thể dục thể thao.. thuộc về nhóm ngành

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** dịch vụ cá nhân. | **B.** dịch vụ kinh doanh. | **C.** dịch vụ tiêu dùng. | **D.** dịch vụ công. |

**Câu 13:** Nhân tố ảnh hưởng tới sức mua, nhu cầu của ngành dịch vụ là

|  |
| --- |
| **A.** quy mô, cơ cấu dân số. |
| **B.** mức sống và thu nhập thực tế. |
| **C.** phân bố dân cư và mạng lưới quần cư. |
| **D.** truyền thống văn hóa, phong tục tập quán. |

**Câu 14:** Ưu điểm lớn nhất của ngành hàng không là

|  |
| --- |
| **A.** ít gây ra những vấn đề về môi trường. |
| **B.** vận chuyển được khối lượng hàng hóa lớn. |
| **C.** tốc độ vận chuyển nhanh nhất. |
| **D.** an toàn và tiện nghi. |

**Câu 15:** Nhược điểm lớn nhất của ngành đường ôtô là

|  |
| --- |
| **A.** chí phí xây dựng cầu đường quá lớn. |
| **B.** tình trạng tắt nghẽn giao thông vào giờ cao điểm. |
| **C.** gây ra những vấn đề nghiêm trọng về môi trường. |
| **D.** độ an toàn chưa cao thường xuyên xảy ra tai nạn. |

**Câu 16:** Nhân tố nào sau đây có vai trò quyết định ảnh hưởng đến phát triển và phân bố ngành giao thông vận tải?

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** Kinh tế - xã hội. | **B.** Điều kiện tự nhiên. |
| **C.** Vị trí địa lý. | **D.** Tài nguyên thiên nhiên. |

**Câu 17:** Hậu quả nghiêm trọng nhất do việc bùng nổ sử dụng phương tiện ôtô là

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** ô nhiễm môi trường. | **B.** tai nạn giao thông. |
| **C.** ách tắc giao thông. | **D.** cạn kiệt dầu mỏ. |

**Câu 18:** Ưu điểm nào **không phải** của loại hình giao thông vận tải đường biển?

|  |
| --- |
| **A.** vận chuyển dầu thô và sản phẩm từ dầu mỏ. |
| **B.** khối lượng luân chuyển hàng hóa khá lớn. |
| **C.** đảm nhận vận chuyển quốc tế. |
| **D.** vận tốc nhanh không phương tiện nào sánh kịp. |

**Câu 19:** Nhân tố nào sau đây quy định sự có mặt của các loại hình giao thông vận tải?

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** tài nguyên thiên nhiên. | **B.** điều kiện tự nhiên. |
| **C.** sự phân bố dân cư. | **D.** sự phát triển công nghiệp. |

**Câu 20:** Vai trò nào sau đây **không** đúng với ngành dịch vụ?

|  |
| --- |
| **A.** Thúc đẩy các ngành sản xuất vật chất phát triển mạnh. |
| **B.** Trực tiếp sản xuất ra máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất. |
| **C.** Cho phép khai thác tốt hơn các nguồn tài nguyên thiên nhiên. |
| **D.** Tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động. |

**Câu 21:** Dịch vụ **không** phải là ngành?

|  |
| --- |
| **A.** Phục vụ nâng cao chất lượng cuộc sống của con người. |
| **B.** Góp phần giải quyết việc làm. |
| **C.** Trực tiếp sản xuất ra của cải vật chất. |
| **D.** Làm tăng giá trị hàng hóa nhiều lần. |

**Câu 22:** Ưu điểm của ngành giao thông vận tải đường sắt là

|  |
| --- |
| **A.** tiện lợi, cơ động, thích nghi cao với các điều kiện địa hình. |
| **B.** vận chuyển được các hàng nặng, ổn định, giá rẻ. |
| **C.** vận tốc nhanh, đảm nhận vận chuyển quốc tế. |
| **D.** tốc độ vận chuyển nhanh mà không phượng tiện nào sánh kịp. |

**Câu 23:** Sự phân bố các ngành dịch vụ tiêu dùng thường gắn bó mật thiết với.

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** các trung tâm công nghiệp. | **B.** các ngành kinh tế mũi nhọn. |
| **C.** Sự phân bố dân cư. | **D.** các vùng kinh tế trọng điểm. |

**Câu 24:** Ý nào sau đây **không** đúng về vai trò của ngành giao thông vận tải?

|  |
| --- |
| **A.** phục vụ nhu cầu đi lại và sinh hoạt của người dân được thuận tiện. |
| **B.** cung ứng vật tư kỹ thuật, nguyên liệu cho các cơ sở sản xuất. |
| **C.** đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, phân bố lại dân cư và lao động. |
| **D.** sản xuất ra một khối lượng của cải vật chất rất lớn cho xã hội. |

**Câu 25:** Ngành trẻ nhất trong các loại hình vận tải là

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** Đường ô tô. | **B.** Đường ống. |
| **C.** Đường hàng không. | **D.** Đường sắt. |

**Câu 26:** Khu vực nào sau đây tập trung nhiều cảng biển của thế giới?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** Thái Bình Dương. | **B.** Đại Tây Dương. | **C.** Ấn Độ Dương. | **D.** Bắc Băng Dương. |

**Câu 27:** Yếu tố tự nhiên nào sau đây ít ảnh hưởng đến hoạt động của ngành giao thông vận tải?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** khí hậu. | **B.** địa hình. | **C.** sông ngòi. | **D.** sinh vật. |

**Câu 28:** Yếu tố nào sau đây có tác động thúc đẩy đến sự phát triển ngành giao thông đường biển ?

|  |
| --- |
| **A.** Nhu cầu về tài nguyên, nguyên liệu để sản xuất. |
| **B.** Do sự mở rộng buôn bán quốc tế. |
| **C.** Do sự phát triển của nền kinh tế. |
| **D.** Quan hệ quốc tế được mở rộng. |

**Câu 29:** Nguyên nhân nào sau đây chủ yếu nhất ở các nước đang phát triển lao động trong ngành dịch vụ cao?

|  |
| --- |
| **A.** Năng suất lao động trong nông , công nghiệp cao. |
| **B.** Ngành dịch vụ có trình độ cao. |
| **C.** Ngành dịch vụ cơ cấu đa dạng. |
| **D.** Trình độ phát triển kinh tế của đất nước. |

**Câu 30:** Ngành nào sau đây được xếp vào nhóm dịch vụ kinh doanh?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** Bảo hiểm. | **B.** Giáo dục. | **C.** Thể dục thể thao. | **D.** Y tế. |

**Câu 31:** Quốc gia nào hiện nay có đội tàu buôn lớn nhất thế giới ?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** Hoa Kì. | **B.** Anh. | **C.** Ôx-trây-li-a. | **D.** Nhật Bản. |

**Câu 32:** Mạng lưới sông ngòi dày đặt ở Việt Nam có ảnh hưởng như thế nào đến ngành giao thông tải?

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** Phát triển giao thông đường thủy. | **B.** Phát triển giao thông đường sắt. |
| **C.** Phát triển giao thông đường hàng không. | **D.** Phát triển giao thông đường biển. |

**Câu 33:** Giao thông vận tải có vai trò quan trọng vì:

|  |
| --- |
| **A.** chỉ phục vụ nhu cầu đi lại của con người trong một quốc gia. |
| **B.** chỉ gắn hoạt động trong nước với các quốc gia trong khu vực. |
| **C.** tạo mối quan hệ kinh tế - xã hội trong nước và trên thế giới. |
| **D.** tạo điều kiện hình thành các vùng sản xuất chuyên môn hóa. |

**Câu 34:** Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với ngành giao thông vận tải?

|  |
| --- |
| **A.** Sản phẩm là sự chuyên chở người và hàng hố |
| **B.** Chất lượng sản được đo bằng tốc độ chuyên chở |
| **C.** Khối lượng luân chuyển được đo bằng đơn vị: tấn.km . |
| **D.** Cự li vận chuyển trung bình tính bằng km. |

**Câu 35:** Ý nào sau đây **không** phải là tiêu chíđể đánh giá khối lượng dịch vụ của hoạt động vận tải?

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** Khối lượng vận chuyển. | **B.** Khối lượng luân chuyển. |
| **C.** Cự li vận chuyển trung bình. | **D.** Sự hiện đại của các loại phương tiện. |

**Câu 36:** Các hoạt động tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, dịch vụ nghề nghiệp thuộc về nhóm ngành

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** dịch vụ công. | **B.** dịch vụ tiêu dùng. |
| **C.** dịch vụ kinh doanh. | **D.** dịch vụ cá nhân. |

**Câu 37:** Ở xứ lạnh về mùa đông, loại hình giao thông vận tải nào **không** hoạt động được?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** Đường sắt. | **B.** Đường sông. | **C.** Đường hàng không. | **D.** Đường ô tô. |

**Câu 38:** Nhân tố kinh tế - xã hội nào sau đây **không** có ý nghĩa quyết định đến sự phát triển và phân bố của ngành giao thông vận tải?

|  |
| --- |
| **A.** Sự phân bố dân cư và các loại hình quần cư. |
| **B.** Đặc điểm địa hình, khí hậu và thời tiết. |
| **C.** Việc phát triển công nghiệp của địa phương. |
| **D.** Sự phát triển, phân bố của ngành kinh tế quốc dân. |

**Câu 39:** Sản phẩm của ngành giao thông vận tải là

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** sự chuyên chở người và hàng hóa. | **B.** phương tiện giao thông và tuyến đường. |
| **C.** sự tiện nghi và sự an toàn của hành khách. | **D.** các loại xe vận chuyển và hàng hóa. |

**Câu 40:** Tiêu chí nào sau đây **không** dùng để đánh giá khối lượng dịch vụ của hoạt động vận tải?

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** Cự ly vận chuyển trung bình. | **B.** Khối lượng luân chuyển. |
| **C.** Cước phí vận chuyển. | **D.** Khối lượng vận chuyển. |

……………………………….Hết………………………………….